

Bản án số: 10/2025/HNGĐ - ST

Ngày 17/6/2025

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Tiến

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Ngợi và bà Nguyễn Kim Thoa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hoàng – Thư ký viên Toà án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2025/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang

- *Bị đơn:* Anh Quan Văn P, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang

(các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai, Biên bản ghi lời khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Quan Văn P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 28/12/2016. Vợ chồng anh chị được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn B, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Trong quá trình chung sống, đến năm 2018 khi chị L mang thai nhưng đã phá thai nên vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, anh P chửi mắng, xúc phạm chị L. Sau đó, giữa anh chị đã tự hoà giải, anh P xin lỗi chị L nên vợ chồng đã hàn gắn và tiếp tục chung sống. Cho đến tháng 12 năm 2023 thì mâu thuẫn trầm trọng hơn, chị L đi làm công nhân tại địa phương khác, vợ chồng bất đồng

trong làm ăn kinh tế gia đình, anh Phan nhiều lần uống rượu say về chửi bới, hăm dọa đánh đập chị L nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay. Kể từ khi vợ chồng ly thân thì anh chị đã không quan tâm, không liên lạc với nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L yêu cầu được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Quan Việt L1, sinh ngày 19/5/2019 và cháu Quan Phương T, sinh ngày 01/01/2021. Hiện nay, hai cháu đang ở với anh Quan Văn P. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Quan Phương T và nhất trí để anh P nuôi dưỡng cháu Quan Việt L1 và không phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Trường hợp anh P yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con thì chị L nhất trí và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Quan Văn P trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Quan Văn P và chị Nguyễn Thị L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 28/12/2016. Vợ chồng được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và chung sống tại thôn B, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống, vào năm 2018 khi chị L mang thai con nhưng đã phá thai, dẫn tới vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, xảy ra cãi chửi nhau, anh P đã biết sai và xin lỗi chị L nên vợ chồng đoàn tụ, tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân. Cho đến tháng 12 năm 2023 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn, do chị L đi làm công nhân tại địa phương khác, không quan tâm đến chồng con, không gửi tiền về để giúp anh P nuôi dạy con, vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay và kể từ khi ly thân, giữa anh chị không quan tâm, không liên lạc với nhau nữa. Đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L, anh P xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không còn nhưng thương hai con còn nhỏ không muốn con rơi vào cảnh thiếu cha thiếu mẹ nên anh P không đồng ý ly hôn và mong muốn được đoàn tụ với chị L để tiếp tục nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Quan Việt L1, sinh ngày 19/5/2019 và cháu Quan Phương T, sinh ngày 01/01/2021. Hiện nay, hai cháu đang ở với anh P. Khi ly hôn anh P đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố

tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; các Điều 143, 144, 147, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Quan Văn P.

- Về con chung: Giao cháu Quan Việt L1, sinh ngày 19/5/2019 và cháu Quan Phương T, sinh ngày 01/01/2021 cho anh Quan Văn P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập xem xét;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, không đề cập xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh Quan Văn P không phải chịu án phí.

- Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Quan Văn P; anh Quan Văn P có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã P, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Tại các tài liệu thể hiện trong hồ sơ vụ án như bản tự khai (BL.29-30), biên bản ghi lời khai (BL.31-34), lời trình bày của chị L và anh P tại các phiên họp hòa giải (BL.35-37, 38-40) và lời trình bày tại phiên tòa thể hiện: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Quan Văn P là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 28/12/2016. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn B, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang và bắt đầu có mâu thuẫn từ năm 2018, tuy nhiên vợ chồng tự hoà giải nên đã tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, cho đến tháng 12 năm 2023 thì mâu thuẫn trầm trọng hơn. Nguyên nhân là do tính cách không hợp, bất

đồng trong làm ăn kinh tế, xảy ra nhiều cãi vã, có lần xảy ra xô xát nên anh chị đã ly thân từ tháng 02 năm 2024 đến nay và giữa anh chị không quan tâm, không liên lạc với nhau nữa. Anh P cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, dù có tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng không hạnh phúc, nhưng thương các con còn nhỏ nên anh P không đồng ý ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh P đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; việc anh P không nhất trí ly hôn chỉ nhằm ràng buộc, giữa anh chị không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L, cho chị L được ly hôn anh Quan Văn P.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị L và anh P có 02 con là cháu Quan Việt L1, sinh ngày 19/5/2019 và cháu Quan Phương T, sinh ngày 01/01/2021. Hiện nay 02 con đang ở cùng anh P. Anh P đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn, chị L nhất trí với đề nghị này của anh P. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao 02 con chung cho anh Quan Văn P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp và không buộc chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn; chị L có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định; anh Quan Văn P không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, các Điều 143, 144, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

- Về Hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Quan Văn P (*Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 28/12/2016 tại UBND xã P, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang*).

- Về con chung: Giao các cháu Quan Việt L1, sinh ngày 19/5/2019 và cháu Quan Phương T, sinh ngày 01/01/2021 cho anh Quan Văn P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình là 300.000^d (*ba trăm nghìn đồng*) và được trừ vào số tiền 300.000^d (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Bình theo biên lai số 0003304 ngày 13/5/2025 (Chị L đã nộp đủ tiền án phí). Anh Quan Văn P không phải chịu án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (17/6/2025).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã P (Nơi ĐKKH);
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Tiến

